

Thuế thu nhập

Kinh tế học khu vực công Chương trình Giảng dạy Kinh tế Fulbright

Lê Văn Chơn

Bài giảng này được phát triển từ bài giảng năm 2011.

1

Nội dung trình bày

- ❑ Một số khái niệm cơ bản
- ❑ Một số nguyên tắc tính thuế
- ❑ Một số vấn đề chính
- ❑ Biểu thuế thu nhập cá nhân Việt Nam và một số vấn đề dễ gây tranh cãi
- ❑ Cơ cấu thu ngân sách
- ❑ Cải cách thuế TNCN và TNDN ở Việt Nam

2

Một số khái niệm cơ bản

- ❑ Là thuế **trực thu** đánh trên **thu nhập cá nhân** hoặc **thu nhập doanh nghiệp**.
- ❑ Dựa trên **khả năng chi trả** hơn là lợi ích nhận được, trong đó thu nhập được coi là chỉ báo về năng lực chi trả.
- ❑ Thuế thu nhập **thường có tính quốc gia**, tuy nhiên cũng có thể có tính địa phương.
- ❑ Thuế suất cận biên là tiền thuế tăng thêm khi thu nhập tăng thêm 1 đồng.
- ❑ Thuế suất hiệu dụng là tỷ lệ giữa thuế thực trả và thu nhập. Thuế suất hiệu dụng thường khác thuế suất danh nghĩa do miễn, giảm, hoàn thuế.

3

Một số nguyên tắc tính thuế

- ❑ Dựa vào thu nhập
 - Haig-Simons: Thu nhập = thu nhập tiền mặt + thay đổi thuần trong giá trị tài sản
 - Thực tế dựa vào các giao dịch thị trường, không tính các hoạt động phi thị trường, không dựa vào kế toán thực tế (accrual basis).
- ❑ Lũy tiến: Người có thu nhập cao không chỉ trả thuế nhiều hơn mà tỷ lệ thuế/thu nhập cao hơn.

4

Một số nguyên tắc tính thuế

- Đơn vị đánh thuế là cá nhân, không phải là gia đình.
 - Theo quan điểm khả năng chi trả, khi 2 người sống chung, họ phải nộp thuế cao hơn khi họ sống riêng.
- Dựa vào thu nhập hằng năm, không phải thu nhập cả đời.
 - Do cấu trúc thuế lũy tiến, cá nhân có thu nhập biến động trung bình nộp thuế nhiều hơn cá nhân có thu nhập ổn định.

5

Một số vấn đề chính

- Hiệu quả kinh tế: chi phí của tác động thu nhập và thay thế do thuế gây ra
 - Chi phí tuân thủ và biến dạng do trốn và tránh thuế
 - Cản trở việc đi làm, tiết kiệm và đầu tư
- Công bằng xã hội: trong phân bổ gánh nặng thuế
 - Định nghĩa cơ sở thuế
 - Xác định thuế suất (số bậc, bao nhiêu)
 - Công bằng dọc và ngang
- Quản lý thu thuế
 - Nhằm mục tiêu chính xác, công bằng vs đơn giản.

6

Vấn đề thực tiễn: xác định thu nhập

- Với người làm thuê, dễ dàng tính thu nhập chịu thuế.
- Với chủ doanh nghiệp, có 2 vấn đề chính:
 - (i) xác định khấu hao, hiệu chỉnh lạm phát đối với giá vốn hàng tồn kho,
 - (ii) phân biệt giữa chi tiêu dùng và chi phí kinh doanh
- Xác định thời điểm có thu nhập sẽ ảnh hưởng đến giá trị chiết khấu hiện tại của tiền thuế phải nộp.

7

Biểu thuế thu nhập cá nhân cao 2007

Bậc thuế	Thu nhập chịu thuế (triệu đồng/năm)	Thu nhập chịu thuế (triệu đồng/tháng)	Thuế suất (%)
1	0-60	0-5	5
2	60-120	5-10	10
3	120-216	10-18	15
4	216-384	18-32	20
5	384-624	32-52	25
6	624-960	52-80	30
7	Trên 960	Trên 80	35

8

Biểu thuế thu nhập ngoài lương 2007

Thu nhập chịu thuế	Thuế suất (%)
a) Thu nhập từ đầu tư vốn	5
b) Thu nhập từ bản quyền, nhượng quyền thương mại	5
c) Thu nhập từ trúng thưởng	10
d) Thu nhập từ thừa kế, quà tặng	10
đ) Thu nhập từ chuyển nhượng vốn quy định tại khoản 1 Điều 13 của Luật này	20
Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán quy định tại khoản 2 Điều 13 của Luật này	0,1
e) Thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này	25
Thu nhập từ chuyển nhượng bất động sản quy định tại khoản 2 Điều 14 của Luật này	2

9

Một số vấn đề dễ gây tranh cãi

- Một số vấn đề kỹ thuật
 - Mức khởi điểm chịu thuế
 - Mức chiết trừ gia cảnh
 - Thuế TNCN trong điều kiện lạm phát
 - Thuế đối với lãi tiền gửi tiết kiệm
 - Thuế cổ tức (lợi tức cổ phần, góp vốn)
 - Thuế chuyển nhượng vốn (cổ phiếu)
 - Thuế chuyển nhượng bất động sản
- Quản lý thu thuế TNCN
 - Chi phí quản lý hành chính
 - Chi phí tuân thủ của người đóng thuế
 - Trốn và tránh thuế

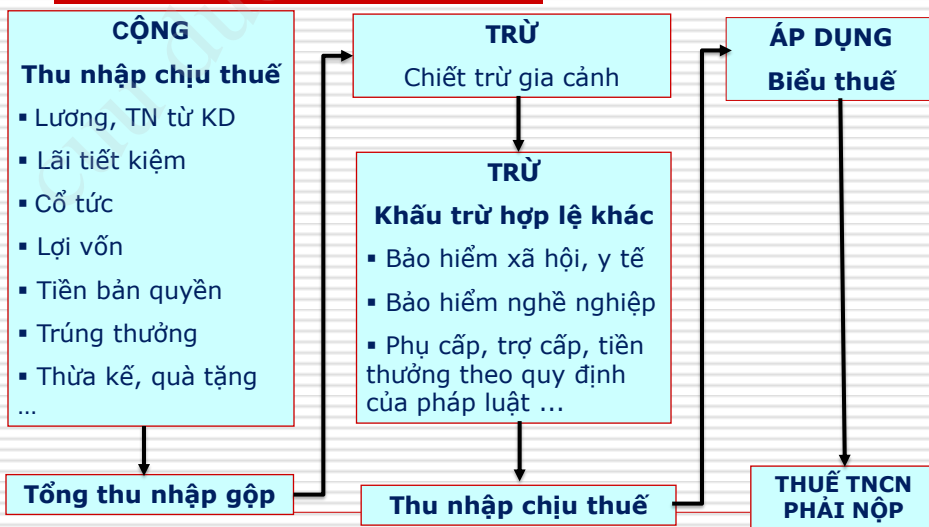
10

Mức thu nhập khởi điểm chịu thuế TNC

	1991	1994	1999	2001	2004	2008
Hệ số khử lạm phát	0.55	1.00	1.56	1.65	1.95	2.98
Mức thu nhập danh nghĩa chịu thuế (ngàn đồng)	500	1,200	2,000	3,000	5,000	5,000
Mức thu nhập thực chịu thuế (ngàn đồng, giá 1994)	911	1,200	1,282	1,823	2,567	1,677

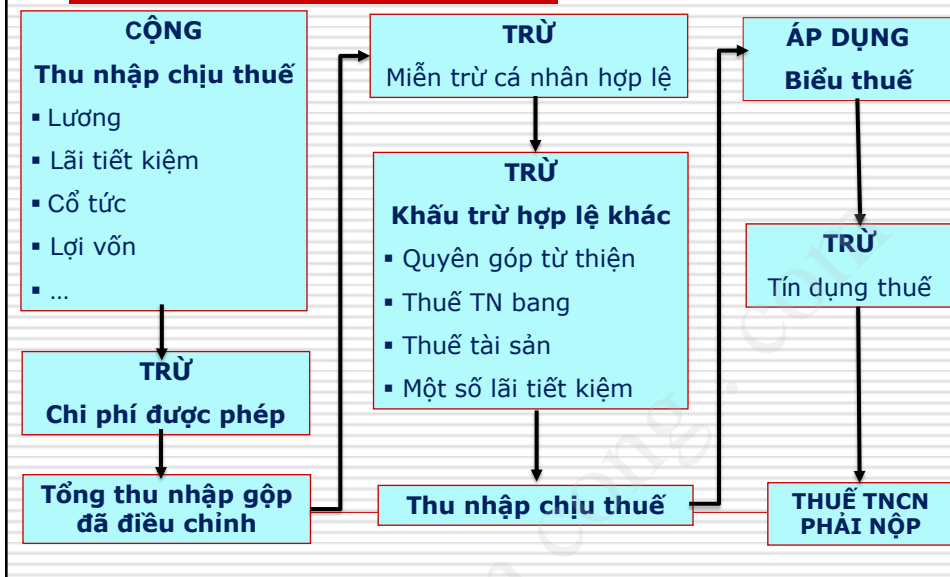
11

Quy trình tính thuế TNCN ở Việt Nam



12

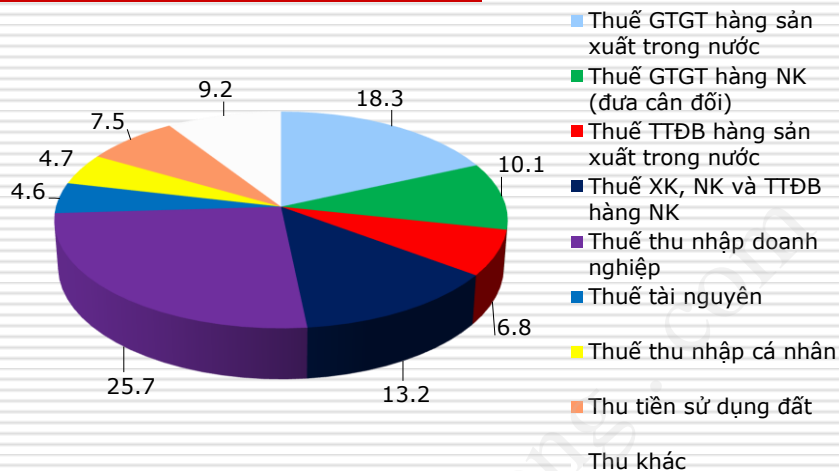
Quy trình tính thuế TNCN liên bang ở Mỹ



Thuế suất ở các nước

Nước	Thuế TNCN (2005)	Mức chịu thuế suất cao nhất (USD 2003)	Thuế TNDN (2005)
ASEAN			
Indonesia	5-35%	\$22,371	30%
Philippines	5-32%	\$9,320	32%
Singapore	3.75-21%	\$184,438	20%
Thailand	5-37%	\$92,379	30%
Vietnam 2009	5-35%	\$50,000	25%
Nước đang phát triển			
China	5-45%	\$12,048	33%
India	10-30%	\$3,139	35-40%
Mexico	3-29%	\$61,689	30%
Poland	19-40%	\$18,278	19%
Nước đã phát triển			
Germany	15-42%	\$52,659	25%
Japan	10-37%	\$148,478	30%
United Kingdom	0-40%	\$48,413	30%
USA	10-35%	\$326,450	35% ¹⁴

Cơ cấu thu ngân sách nhà nước 2010



Nguồn: Bộ Tài chính (Ước thu NSNN 2010 lần 2)

15

Nguồn thu NSNN ở các nước 1980-nay

	Thu NSNN, %GDP	Thuế TNDN, % GDP	Thuế TNCN, % GDP	Thuế suất TNDN
Thu nhập thấp	18.4	2.2	1.6	39.0
Thu nhập trung bình thấp	26.4	2.9	1.9	33.5
Thu nhập trung bình cao	28.5	3.4	2.3	33.3
Thu nhập cao (OECD)	41.5	3.1	9.7	33.8
Thu nhập cao (Không OECD)	33.8	2.4	2.8	28.9
Việt Nam 2010	28.7	7.4	1.3	25.0
Tất cả	28.7	3.0	4.7	33.5

Nguồn: IMF (2011).

16

Cải cách thuế TNCN ở Việt Nam

- ❑ Thống nhất thuế suất TNCN cho người nước ngoài và người Việt Nam;
- ❑ Đánh thuế thu nhập vốn;
- ❑ Mở rộng biên độ thuế;
- ❑ Giảm mức thuế suất cao nhất từ 40% xuống 35%;
- ❑ Giảm trừ thuế khi có người phụ thuộc.

17

Cải cách thuế TNDN ở Việt Nam

- ❑ Thống nhất thuế suất TNDN 25% áp dụng cho cả doanh nghiệp trong và ngoài nước;
- ❑ Thống nhất các thuế suất ưu đãi và hình thức ưu đãi áp dụng cho cả doanh nghiệp trong và ngoài nước;
- ❑ Cho phép giảm trừ các khoản chi phí hợp lý liên quan đến việc kinh doanh;
- ❑ Chuyển kinh doanh cá thể và gia đình sang thuế TNCN.
- ❑ Vấn đề chuyển giá ở các công ty đa quốc gia.

18